

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT

Ngày 08-6-2022

*V/v yêu cầu không công nhận quan hệ
vợ chồng và chia tài sản của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Thẩm phán: Bà L Hải Yến

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành- Thư ký Tòa án

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐ-PT ngày 08/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐ-PT ngày 31/5/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị C, sinh năm 1967(*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965(*vắng mặt*)

Đều cư trú tại: Thôn A 2, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn 5, xã Er, huyện B, tỉnh Đắc Lắc. (*vắng mặt*)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959(*vắng mặt*)

- Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1963(*vắng mặt*)

Đều cư trú tại: Thôn A 2, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

- Ông Vũ Duy H, sinh năm 1965(*vắng mặt*)

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971(*vắng mặt*)

Đều cư trú tại: Thôn A 2, xã Q , huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 05, khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.(*vắng mặt*)

- Bà Vũ Thị P, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn A 2, xã Q , huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.(*có mặt*)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Vũ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn bà Vũ Thị C trình bày:**

1. Về quan H hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D không chung thủy, lại còn thường xuyên đánh chửi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà và gia đình bà. Mâu thuẫn càng tăng vào đầu năm 2017, bà và ông D đã sống ly thân. Năm 2018 bà đã khởi kiện ly hôn ông D nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Bà và ông D lại về chung sống với nhau nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2021 tiếp tục ly thân. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông D được nữa, bà đề nghị Tòa án không công nhận quan H vợ chồng giữa bà và ông D.

2.Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn D có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/9/1991 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 21/11/1994. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, có cuộc sống gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản:

3.1. Các tài sản chung bà và ông D đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm:

- Tài sản ông D được sở hữu, sử dụng gồm: 01 máy bơm nước Z100 công suất 0,75KW trị giá 500.000 đồng; 01 đôi loa UBL; 01 ti vi Imusic; 01 đôi loa Sato; 01 âm ly paramax SA - 999XP; 01 cục phát wifi; 03 quạt điện cơ Hoa Phượng; 01 quạt trần; 02 chiếc giường gỗ; 02 đệm; 01 đồng hồ treo tường; 01 tủ quần áo nhựa; H thống điện; 01 kệ gỗ ép 1.8m x0.5m x 0.8m; 01 ghế gỗ salon; 01 bàn nhựa; 01 cái võng; 01 bàn thờ; 02 ghế gỗ; 01 bàn gỗ 1m; 01 tủ gỗ ocan 1.8mx2m; 01 bộ loa vi tính; 01 máy hàn điện FUKA; 03 quạt điện cơ; 01 bàn gội đầu; 01 ghế gội đầu; 01 bàn nhựa 70cm; 01 tủ nhôm kính 2m x 1m; 01 tủ nhôm kính loại nhỏ 1m x 0.5m; 01 tủ gỗ ocan 2m x1.2m; 01 giường gỗ; 1 máy rửa xe điện cơ công suất 2.2KW.

- Tài sản bà C được sở hữu, sử dụng là 01 xe kéo trị giá 300.000 đồng.

Những tài sản này bà và ông D đã thống nhất thỏa thuận nên không yêu cầu định giá (trừ 01 máy bơm nước và 01 xe kéo).

3.2. Các tài sản chung của bà và ông D, đề nghị Tòa án giải quyết phân chia, gồm:

- Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 21 D tích $180,9m^2$ địa chỉ tại thôn A 2, xã Q có giá trị $5.000.000đ/m^2 \times 180,9m^2 = 904.500.000$ đồng. Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà C trình bày vào khoảng năm 1990, bà và ông D có trả nợ thay cho mẹ đẻ ông D là cụ Nguyễn Thị Thoa (đã chết) khoản tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cụ Thoa vay của hàng xóm là cụ Trịnh Văn Gặc (đã chết). Vì vậy, cụ Thoa đã cho vợ chồng bà thửa đất này nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên bà không có văn bản, giấy tờ, tài liệu để chứng minh.

- Trên đất có:

Công trình xây dựng gồm: 01 ở nhà mái bằng một tầng xây năm 1991, đã sửa chữa năm 2019 có D tích $45,9m^2$, giá trị còn lại là 34.000.000 đồng; mái chống nóng lợp tôn có D tích $34,7m^2$ (trong đó có $3,5m^2$ đưa ra đường) giá trị còn lại là 2.600.000 đồng; Nhà bếp + công trình phụ mái bằng có D tích $16,6m^2$ giá trị còn lại là 10.000.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có D tích $8,3m^2$ giá trị còn lại là 500.000 đồng; Sân bê tông có D tích $44,7m^2$ giá trị còn lại là 800.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có D tích $8,3m^2$ giá trị còn lại là 0 đồng; 01 bình nóng lạnh Ariston giá trị còn lại là 700.000 đồng (lắp tại công trình phụ). Tổng giá trị là 48.600.000 đồng (Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Các cây cối hoa màu trên đất gồm: 01 cây quất tán 1m trị giá 280.000 đồng; 01 khóm hoa giấy trị giá 174.000 đồng; 01 cây đinh lăng cao 1m trị giá 20.000 đồng; 01 giàn nho $2m^2$ trị giá $670.000 đ/m^2 \times 2m^2 = 1.340.000$ đồng; 01 khóm nhỏ lưỡi hổ trị giá 5.000 đồng; 01 cây dành dành cao 0.6m trị giá 15.000 đồng; 01 khóm ớt 5.000 đồng; 01 cây xanh cao trên 0.5m trị giá 70.000 đồng. Tổng giá trị là 1.909.000 đồng.

Tổng cộng giá trị công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất 50.509.000 đồng.

- Ngoài ra, còn có 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít trị giá 2.300.000 đồng.

3.3. Về các tài sản riêng:

- Tài sản riêng của bà gồm: 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 1 chiều 12000 BTU trị giá còn lại 7.250.000 đồng; 01 máy giặt nhãn hiệu Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng. Tổng trị giá là 9.350.000 đồng (Do ông D quản lý).

- Tài sản riêng của ông D gồm: 01 xe máy, 01 tủ lạnh (không phải tủ lạnh kê trên), 01 tivi (các tài sản này ông D đang quản lý).

- Đối với 01 chiếc xoong inox loại 40 lít, không có vung trị giá 120.000 đồng là tài sản bà C mượn của bà Vũ Thị Phượng (chị gái bà) nên phải trả lại cho bà Phượng.

4. Về nợ:

- Nợ chung yêu cầu Tòa án giải quyết: Khoản tiền nợ ông Vũ Duy H khi mua

nguyên vật liệu để làm mái tôn số tiền 1.271.000 đồng và số tiền 6.000.000 đồng dùng để mua bàn thờ và nộp học cho con anh C.

- Nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm: Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Hương và bà Đào Thị Dư.

Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Thanh Thảo số tiền 1.900.000 đồng, bà và ông D đã thanh toán đủ cho ông Thảo nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ anh Nguyễn Văn Lộc tiền mua điều hòa, nợ của anh Trần Văn Đàn tiền mua máy giặt chưa trả, bà C có trách nhiệm trả nợ khoản nợ này.

Đối với số tiền 16.000.000 đồng là chi phí lo việc hiếu cho cụ Nguyễn Thị Thoa (mẹ đẻ ông D) bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C xác nhận ông Nguyễn Văn D đã thanh toán cho bà số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Bà C đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật được trừ đi số tiền ông D đã thanh toán cho bà. Tài sản riêng của ai thì người đó được sở hữu, sử dụng.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:**

1. Về quan H hôn nhân: Ông xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh chung sống, thời gian mâu thuẫn và thời gian ly thân như bà C đã trình bày là đúng. Theo ông, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C ghen tuông vô cớ, cộng với việc kinh tế gia đình khó khăn. Nay bà C đề nghị Tòa án không công nhận quan H vợ chồng, ông nhất trí.

2. Về con chung: Ông xác nhận, ông và bà C có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/9/1991 và Nguyễn Thị Chanh, sinh ngày 21/11/1994, đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản:

- Ông xác nhận các tài sản ông và bà C đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết như bà C đã trình bày là đúng.

- Ông D xác định thửa đất số 06 tờ bản đồ số 21 có D tích 180,9m² địa chỉ tại thôn A 2, xã Q và giá đất như bà C đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, đây không phải là tài sản chung của ông và bà C mà là của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Vân (sinh năm 1930, chết năm 1974) và cụ Nguyễn Thị Thoa (sinh năm 1930, chết ngày 10/3/2020). Cụ Nguyễn Thị Thoa không nợ cụ Trịnh Văn Gặc khoản tiền nào. Ông và bà C cũng không thanh toán cho cụ Trịnh Văn Gặc khoản tiền nào.

Bố mẹ ông sinh được hai anh em là ông Nguyễn Văn D2 và ông Nguyễn Văn D. Ngoài ra, cụ Nguyễn Văn Vân kết hôn với cụ Trịnh Thị Kém sinh được bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị L (ông không nhớ năm sinh, năm chết của cụ Kém, chỉ nhớ sau khi cụ Kém chết thì cụ Vân kết hôn với cụ Thoa). Bố mẹ ông chết không để lại di chúc và chưa chia tài sản là thửa đất nêu trên cho ai.

- Ông công nhận ông và bà C có tài sản chung là công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất có tổng giá trị 50.909.000 đồng như bà C đã trình bày là đúng. Ông đã thanh toán cho bà C số tiền là 24.000.000 đồng.

- Ông xác nhận tài sản riêng của ông như bà C đã trình bày là đúng.

- Đối với các tài sản mà bà C cho rằng là tài sản riêng của bà C gồm: 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 1 chiều trị giá 7.250.000 đồng; 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng. Ông có quan điểm đây là tài sản chung của ông và bà C vì thời gian bà C mua tài sản trên ông và bà C vẫn chung sống với nhau, hàng tháng ông vẫn đưa tiền cho bà C để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Các tài sản này hiện không còn do anh Nguyễn Văn C (là con trai của ông bà) đã vứt đi.

- Đối với 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít trị giá 2.300.000 đồng mà bà C cho rằng là tài sản chung của ông và bà C, ông không nhất trí. Đây là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn C, do anh C tự bỏ tiền ra mua, ông bà không đóng góp gì.

4. Về nợ:

- Ông xác nhận có làm mái tôn và mua nguyên vật liệu của ông Vũ Duy H nhưng không còn nợ số tiền này. Tiền để sửa nhà và làm mái tôn hết tổng số tiền là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Ông đã đưa cho bà C thanh toán xong cho ông H, ông không biết khoản nợ này của bà C. Do đó, đây là nợ riêng của bà C nên bà C phải tự trả khoản nợ này cho ông H.

- Ông nhất trí với ý kiến của bà C về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ của bà Nguyễn Thị Hương, bà Đào Thị Dư, anh Nguyễn Văn Lộc, anh Trần Văn Đàn và ông Nguyễn Thanh Thảo.

- Ông nhất trí với ý kiến của bà C về việc bà C không yêu cầu ông thanh toán khoản tiền lo chi phí việc hiếu cho cụ Thoa.

- Đối với chiếc xoong inox không vung dung tích 40 lít, giá trị còn lại 120.000 đồng mà bà C cho rằng mượn của bà Phụng, ông không nhất trí vì đây là tài sản ông mua của ông Bùi Quang Chất ở thôn Trại vàng, xã Q nên được xác định là tài sản chung của ông và bà C. Ông xin được sở hữu chiếc xoong và trả cho bà C 60.000 đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- **Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn D2 trình bày:**

Ông, bà xác nhận quan H huyết thống của ông bà với ông Nguyễn Văn D như ông D đã trình bày là đúng. Cụ Nguyễn Văn Vân, cụ Nguyễn Thị Thoa và cụ Trịnh Thị Kém là bố mẹ ông bà đều đã chết không để lại di chúc. Cụ Nguyễn Thị Thoa không vay của cụ Trịnh Văn Gạc khoản tiền nào. Ông D, bà C không phải trả cho cụ Thoa khoản nợ nào.

Ông bà xác định thửa đất số 06 tờ bản đồ số 21 có D tích 180,9m² tại địa chỉ thôn A 2, xã Q không phải là tài sản chung của ông D, bà C. Đây là tài sản thừa kế

của cụ Nguyễn Văn Vân và cụ Nguyễn Thị Thoa nhưng chưa chia. Còn các tài sản trên đất là tài sản chung của ông D và bà C.

- **Bà Vũ Thị Phụng trình bày:** Ông D, bà C có mượn của bà 01 chiếc xoong inox, không có vung, dung tích 40 lít để làm bún nhưng chưa trả. Nay bà yêu cầu ông D, bà C trả lại chiếc xoong trên cho bà.

- **Bà Nguyễn Thị N trình bày:** Bà xác nhận quan H huyết thống của bà như ông D, ông D2 và bà L đã trình bày là đúng. Cụ Nguyễn Văn Vân, cụ Trịnh Thị Kém là bố mẹ bà đều đã chết không để lại di chúc.

Bà xác định thửa đất số 6 tờ bản đồ số 21 có D tích 180,9m² tại địa chỉ thôn A 2, xã Q không phải là tài sản chung của ông D, bà C. Đây là tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Vân và cụ Nguyễn Thị Thoa nhưng chưa chia. Còn các tài sản trên đất là tài sản chung của ông D và bà C. Do bà đang sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk, điều kiện đi lại gặp khó khăn và D2 biến của tình hình dịch bệnh Covid19 nên bà đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi tố tụng của Tòa án.

- **Ông Vũ Duy H trình bày:** Tháng 11/2019 ông có làm mái tôn cho ông D, bà C với tổng số tiền 10.271.000 đồng. Ngay sau khi làm mái tôn xong, bà C đã trả được 3.000.000 đồng, sau đó lại trả tiếp được 6.000.000 đồng nên số tiền nợ làm mái tôn chỉ còn lại 1.271.000 đồng. Nhưng sau đó vài hôm bà C lại ra mượn lại số tiền 6.000.000 đồng để nộp học cho cháu và lấy tiền đi Quảng Ninh. Nếu Tòa án giải quyết không công nhận quan H vợ chồng giữa bà C và ông D, ông đề nghị buộc bà C, ông D trả khoản nợ trên cho ông, ông không yêu cầu phải trả tiền lãi suất.

- **Ông Nguyễn Thanh Thảo trình bày:** Ông D, bà C có nợ số tiền 1.900.000 đồng tiền công làm mái tôn và sửa tủ. Ngày 19/11/2021, ông D và bà C đã trả đủ số tiền trên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Anh Nguyễn Văn C trình bày:** Tháng 02/2018 anh và ông D có đi mua 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít tại cửa hàng điện tử Tiến Thành, địa chỉ tại khu 1, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với giá 4.950.000 đồng, nguồn tiền dùng để mua tủ lạnh là tiền của anh. Anh xác định chiếc tủ lạnh có giá trị còn lại 2.300.000 đồng. Việc bà C xác định chiếc tủ lạnh này là tài sản chung của ông D và bà C thì anh không nhất trí. Anh đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản riêng của anh đồng thời yêu cầu ông D, bà C phải trả lại chiếc tủ lạnh nêu trên cho anh.

Anh xác nhận đã tháo và vớt xuống sông (anh không nhớ vị trí cụ thể chỉ nhớ ở khu vực giữa Cầu Hiệp) 01 chiếc máy giặt và 01 chiếc điều hòa của ông D, bà C.

Các tài sản mà ông D và bà C đã tự thỏa thuận phân chia anh không có ý kiến gì.

Bản án số 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 205, Điều 206, Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều

219, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 494, Điều 496 của Bộ luật Dân sự; Khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 201, khoản 1 Điều 228, Điều 157, Điều 165 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan H hôn nhân: Không công nhận quan H vợ chồng giữa bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn D có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/9/1991 và Nguyễn Thị Chanh, sinh ngày 21/11/1994. Cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan H tài sản:

3.1. Các tài sản bà C, ông D đã tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Tài sản ông D được sở hữu gồm: 01 máy bơm nước Z100 công suất 0,75KW trị giá 500.000 đồng; 01 đôi loa UBL; 01 ti vi Imusic; 01 đôi loa Sato; 01 âm ly paramax SA - 999XP; 01 cục phát wifi; 03 quạt điện cơ Hoa Phượng; 01 quạt trần; 02 chiếc giường gỗ; 02 đệm; 01 đồng hồ treo tường; 01 tủ quần áo nhựa; H thống điện; 01 kệ gỗ ép 1.8m x 0.5m x 0.8m; 01 ghế gỗ salon; 01 bàn nhựa; 01 cái võng; 01 bàn thờ; 02 ghế gỗ; 01 bàn gỗ 1m; 01 tủ gỗ ocan 1.8mx2m; 01 bộ loa vi tính; 01 máy hàn điện FUKA; 03 quạt điện cơ; 01 bàn gọi đầu; 01 ghế gọi đầu; 01 bàn nhựa 70cm; 01 tủ nhôm kính 2m x 1m; 01 tủ nhôm kính loại nhỏ 1m x 0.5m; 01 tủ gỗ ocan 2m x 1.2m; 01 giường gỗ; 1 máy rửa xe điện cơ công suất 2.2KW.

- Tài sản bà C được sở hữu: 01 xe kéo trị giá 300.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C về việc xác định 180,9m² đất ở tại thửa số 6, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn An Lộng, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của bà C và ông D.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C về việc xác định 180,9m² đất ở tại thửa số 6, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn A 2, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của bà C và ông D.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, xác định tài sản chung của bà C và ông D gồm:

Công trình xây dựng: 01 ở nhà mái bằng một tầng xây năm 1991, đã sửa chữa năm 2019 có D tích 45,9m², giá trị còn lại là 34.000.000 đồng; mái chống nóng lợp tôn có D tích 34,7m² (trong đó có 3,5m² đưa ra đường) giá trị còn lại là 2.600.000 đồng; Nhà bếp + công trình phụ mái bằng có D tích 16,6m² giá trị còn lại là 10.000.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có D tích 8,3m² giá trị còn lại là 500.000 đồng; Sân bê tông có D tích 44,7m² giá trị còn lại là 800.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có D tích 8,3m² giá trị còn lại là 0 đồng; 01 bình nóng lạnh Ariston giá trị còn

lại là 700.000 đồng (lắp tại công trình phụ).

Các cây cối hoa màu trên đất: 01 cây quất tán 1m trị giá 280.000 đồng; 01 khóm hoa giấy trị giá 174.000 đồng; 01 cây đinh lăng cao 1m trị giá 20.000 đồng; 01 giàn nho $2m^2$ trị giá $670.000 \text{ đ}/m^2 \times 2m^2 = 1.340.000$ đồng; 01 khóm nhỏ lưỡi hổ trị giá 5.000 đồng; 01 cây dành dành cao 0.6m trị giá 15.000 đồng; 01 khóm ớt 5.000 đồng; 01 cây xanh cao trên 0.5m trị giá 70.000 đồng.

Tổng giá trị 50.509.000 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C xác định tài sản riêng của bà C gồm: 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 1 chiều 12000 BTU trị giá 7.250.000 đồng, do ông D quản lý, hiện không còn do anh C đã vứt đi.

7. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C: Xác định 01 tủ lạnh Samsung 208 lít, giá trị còn lại là 2.300.000 đồng là tài sản riêng của anh C.

8. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Duy H, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C: Xác định bà C, ông D có nợ ông H số tiền làm mái tôn còn lại chưa trả là 1.271.000 đồng; Xác định số tiền 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà C.

9. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Phụng, xác định bà C, ông D mượn của bà Phụng 01 xoong inox không vung, giá trị còn lại là 120.000 đồng, hiện ông D đang quản lý.

10. Về chia tài sản, nợ của ông D, bà C:

Chia cho bà C và ông D mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản chung gồm công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất, tương ứng với số tiền là 50.509.000 đồng : 2 = 25.254.500 đồng.

10.1. Chia và giao cho ông D sở hữu tài sản chung của bà C, ông D gồm:

- Công trình xây dựng: 01 ở nhà mái bằng một tầng xây năm 1991, đã sửa chữa năm 2019 có D tích $45,9m^2$, giá trị còn lại là 34.000.000 đồng; mái chống nóng lợp tôn có D tích $34,7m^2$ (trong đó có $3,5m^2$ đưa ra đường) giá trị còn lại là 2.600.000 đồng; Nhà bếp + công trình phụ mái bằng có D tích $16,6m^2$ giá trị còn lại là 10.000.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có D tích $8,3m^2$ giá trị còn lại là 500.000 đồng; Sân bê tông có D tích $44,7m^2$ giá trị còn lại là 800.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có D tích $8,3m^2$ giá trị còn lại là 0 đồng; 01 bình nóng lạnh Ariston giá trị còn lại là 700.000 đồng (lắp tại công trình phụ).

- Các cây cối hoa màu trên đất: 01 cây đinh lăng cao 1m trị giá 20.000 đồng; 01 giàn nho $2m^2$ trị giá $670.000 \text{ đ}/m^2 \times 2m^2 = 1.340.000$ đồng; 01 khóm nhỏ lưỡi hổ trị giá 5.000 đồng; 01 cây dành dành cao 0.6m trị giá 15.000 đồng; 01 khóm ớt 5.000 đồng; 01 cây xanh cao trên 0.5m trị giá 70.000 đồng.

Tổng cộng 50.509.000 đồng.

Ông D tiếp tục được sử dụng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 21 tại thôn A 2, xã Q theo quy định của pháp luật nhưng ông D có trách nhiệm phải thanh toán cho bà C các khoản gồm:

- $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền 25.254.500 đồng;
- Tiền thanh toán giá trị tài sản riêng của bà C do ông D quản lý nhưng không còn, gồm: Tiền điều hòa 7.250.000 đồng và máy giặt 2.100.000 đồng, tổng cộng là 9.350.000 đồng.

- $\frac{1}{2}$ số nợ chung của ông H 1.271.000 tương ứng với số tiền 635.500 đồng.

Tổng cộng ông D phải thanh toán cho bà C số tiền là 25.254.500 đồng + 9.350.000 đồng + 635.500 đồng = 35.240.000 đồng.

Do ông D đã thanh toán cho bà C số tiền 24.000.000 đồng nên ông D còn phải thanh toán cho bà C số tiền là 35.240.000 đồng – 24.000.000 đồng = 11.240.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

10.2. Chia cho bà Vũ Thị C được nhận số tiền ông D thanh toán gồm:

- $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là công trình xây dựng cùng cây cối, hoa màu trên đất tương ứng với số tiền 25.254.500 đồng.

- Tiền 01 điều hòa 7.250.000 đồng và 01 máy giặt 2.100.000 đồng, cộng 9.350.000 đồng là tài sản riêng của bà C do ông D quản lý nhưng không còn;

- $\frac{1}{2}$ số nợ chung của ông H 1.271.000 đồng tương ứng với số tiền 635.500 đồng.

Tổng cộng bà C nhận số tiền mà ông D thanh toán là 25.254.500 đồng + 9.350.000 đồng + 635.500 đồng = 35.240.000 đồng. Do bà C đã nhận được số tiền ông D thanh toán là 24.000.000 đồng nên bà C còn được nhận từ ông D số tiền là 35.240.000 đồng – 24.000.000 đồng = 11.240.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

10.3. Bà C có trách nhiệm trả cho ông Vũ Duy H số tiền 7.271.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng*), trong đó 1.271.000 đồng là nợ chung của bà C, ông D và 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà C.

11. Giao cho ông D được sở hữu 01 xoong inox không vung 40 lít ông D, bà C mượn của bà Phụng, trị giá 120.000 đồng nhưng ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị Phụng số tiền 120.000 đồng (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*).

12. Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả lại anh Nguyễn Văn C 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít giá trị còn lại 2.300.000 đồng.

13. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh Thảo về việc buộc ông D và bà C phải trả cho ông số tiền 1.900.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản, án phí, quyền yêu cầu, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2022, bà Vũ Thị C kháng cáo một phần bản án về phần tài sản và nợ

của ông D, bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị C trình bày:

- Thứ nhất, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc xác định thửa đất số 06, tờ bản đồ số 21, D tích 180,9m² tại thôn A 2, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình do ông D bà C được quyền sử dụng theo Quyết định số 652 ngày 17/3/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình là thiếu khách quan, không công bằng vì lý do:

+ Căn cứ vào mục 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Trường hợp không có căn cứ chứng minh tài sản mà vợ chồng đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung. Tại thời điểm đó cũng như hiện nay, ông D hoàn toàn không có chứng cứ giấy tờ nào nói rằng được thừa kế theo di chúc, hoặc bố mẹ cho tặng... là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 21, D tích 180,9m² là của riêng ông D.

+ Căn cứ vào sổ liệu, sổ mục kê và sao kê năm 1999 do cán bộ địa chính xã cung cấp ngày 25/9/2021, trên cơ sở đó mà chính quyền địa phương cho gia đình bà được hưởng quyền sử dụng đất theo Quyết định số 652 ngày 17/3/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và đất số 6, tờ bản đồ số 21 đã có chủ hộ, người có quyền sử dụng mang tên Nguyễn Văn D – Nguyễn Thị C từ trước năm 1993.

+ Thực tế hiện nay, đất đai thuộc sở hữu toàn dân và nhà nước quản lý, không thuộc quản lý của riêng ai, nếu ông D cho rằng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 21 là đất của ông cha để lại thì đề nghị ông D đưa ra căn cứ chứng minh thửa đất này được tách từ thửa đất nào, mang tên ai.

Vì vậy, bà khẳng định thửa đất số 6, tờ bản đồ số 21 trên là tài sản chung của bà và ông D, được mẹ ông D chia cho từ trước năm 1989 với điều kiện tôi phải trả tiền lãi vay số tiền 5.000.000 đồng từ cụ Gặc. Tuy nhiên do không hiểu biết về pháp luật, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng bà phải bỏ mồ hôi, công sức, tiền của, sức lao động trong suốt 32 năm mới có thửa đất này. Bà đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện cho bà có nhà để ở do tuổi bà đã cao, sức khỏe yếu, không có ai cho ở nhờ.

- Thứ hai, về nợ chung đối với ông H, bản án sơ thẩm quyết định bà và ông D nợ ông H 1.271.000 đồng nhưng điều này không đúng vì ông bà nợ ông H 7.271.000 đồng. Lý do: Cuối năm 2019, ông D nhờ ông Mạo ra cửa hàng ông Nguyễn Ngọc Hải mua chiếc bàn thờ trị giá 7.000.000 đồng, khi ông Hải mang đến, bà đã trả 7.000.000 đồng cho ông Hải, ông Hải đã chứng nhận.

- Thứ ba, đối với chiếc điều hòa và chiếc máy giặt, bà không đồng ý trả bằng tiền, bà yêu cầu anh C trả bà bằng hiện vật.

- Thứ tư, đối với chiếc tủ lạnh Samsung trị giá 2.300.000 đồng, bản án tuyên là của anh C, bà không đồng ý. Chiếc tủ lạnh này là của bà và ông D.

- Thứ năm, tiền lo ma chay cho nhà ông D là 16.800.000 đồng trước đây bà không yêu cầu nhưng nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết vì đây là tiền riêng của bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị C, hủy phần quyết định về quan hệ tài sản của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Vũ Thị C làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó kháng cáo của bà được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị C và bà Vũ Thị Phụng có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Duy H, ông Nguyễn Thanh Thảo, anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - ông Nguyễn Văn D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại - bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn D2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án có mặt bà C, bà Phụng; vắng mặt những người tham gia tố tụng còn lại.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị C:

[2.1] Đối với yêu cầu về việc xác định D tích đất ở 180,9m² tại thôn A 2, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của bà và ông D; tạo điều kiện cho bà về chỗ ở cho đến khi bà tìm được nhà ở và kết thúc vụ án.

Bà C trình bày: Khoảng năm 1990 bà có trả nợ thay cho cụ Nguyễn Thị Thoa số tiền 5.000.000 đồng vay của cụ Trịnh Văn Gặc nên cụ Thoa đã cho bà và ông D D tích đất nêu trên, nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc này. Bà đề nghị căn cứ vào mục 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xác định thửa đất này là tài sản chung của bà và ông D. Tại thời điểm đó cũng như hiện nay, ông D hoàn toàn không có chứng cứ nào nói rằng được thừa kế theo di chúc, hoặc bố mẹ cho tặng... là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 21, D tích 180,9m² là của riêng ông D. Bên cạnh đó, căn cứ vào sổ liệu, sổ mục kê và sao kê năm 1999 do cán bộ địa chính xã cung cấp ngày 25/9/2021, trên cơ sở đó mà chính quyền địa phương cho gia đình bà được hưởng quyền sử dụng đất theo Quyết định số 652 ngày 17/3/1993 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và thửa đất số 06, tờ bản đồ số 21 đã có chủ hộ, người có quyền sử dụng mang tên Nguyễn Văn D – Nguyễn Thị C từ trước năm 1993. Tại biên bản xác định hiện trạng sử dụng đất năm 1999 mang tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn D và Vũ Thị C, đã nhiều năm nay bà và ông D nộp thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật, do đó là tài sản chung của bà và ông D. Hội đồng xét xử nhận thấy, thửa đất mà ông D bà C đang sử dụng có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn Vân và cụ Nguyễn Thị Thoa, năm 1985 thửa đất có D tích 420m², tại thửa số 24, tờ bản đồ số 3, mang tên cụ Vân và cụ Thoa. Đến năm 1999, tách thành 02 thửa, trong đó 01 thửa mang tên ông D, bà C là thửa số 16 có D tích 178,1m², còn 01 thửa mang tên ông D2, bà Quỳ là thửa số 17 D tích 210,4m², đến khi đo bản đồ Vlap năm 2011 thì thửa đất ông D bà C sử dụng là số thửa 06, tờ bản đồ số 21, D tích 180,9m². Kết quả xác minh tại địa phương không lưu giữ tài liệu gì liên quan đến việc cho tặng, chuyển nhượng hay thủ tục tách thửa đối với các thửa đất trên, ông D bà C đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc cho tặng, chuyển nhượng, thừa kế đối với thửa đất số 06. Ông D, ông D2, bà L và bà N đều xác nhận D tích đất trên không phải là tài sản chung của ông D và bà C mà là tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Vân và cụ Nguyễn Thị Thoa là bố mẹ đẻ của các ông bà để lại nhưng chưa chia. Đến nay thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cụ Thoa vẫn quản lý, sử dụng thửa đất trên cùng ông D, bà C, ông D2, bà Quỳ cho đến thời điểm cụ Thoa chết (năm 2020). Mặt khác, bà C khai bà phải trả số tiền 5.000.000 đồng thay cho cụ Thoa nhưng bà C không xuất trình được tài liệu chứng minh, các con của cụ Thoa đều xác định cụ Thoa không vay của cụ Gặc khoản tiền nào và cũng không phải trả cho cụ Gặc khoản tiền nào, các con của cụ Gặc cũng xác định cụ Gặc không cho cụ Thoa vay khoản tiền nào, không biết việc vay mượn tiền giữa hai cụ. Do đó, không có căn cứ xác định thửa đất thửa số 06, tờ bản đồ số 21, D tích 180,9m² tại thôn A 2, xã Q là tài sản chung của bà C, ông D, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà C là có căn cứ và phù hợp.

Bản án sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc đề nghị Tòa án xác định D tích đất ở 180,9m² tại thôn A 2, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của bà và ông D, nhưng tại biên bản nghị án ngày 22/12/2021 lại không thể hiện Hội đồng xét xử sơ thẩm thảo luận, biểu quyết đối với yêu cầu này là trái với quy định tại khoản 2 Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định như sau: “*Chỉ có các thành viên Hội đồng xét xử mới có quyền nghị án. Khi nghị án, các thành viên Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật này thì còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lễ công bằng, để giải quyết tất cả các vấn đề*

của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề. Hội thẩm nhân dân biểu quyết trước, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa biểu quyết sau cùng. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án...”

Ngoài ra, mặc dù Bản án sơ thẩm nhận định nguồn gốc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 21, D tích 180,9m² tại thôn A 2, xã Q là của cụ Nguyễn Văn Vân, Nguyễn Thị Thoa, không phải là tài sản chung của ông D bà C nhưng khi phân chia tài sản chung của bà C ông D, Tòa án cấp sơ thẩm lại giao thửa đất này cho ông D tiếp tục quản lý, sử dụng là không đúng với các quy định tại các Điều 167, 168, 169 và 179 Luật đất đai; các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

[2.2] Đối với yêu cầu về việc không đồng ý xác định 01 tủ lạnh Samsung giá trị còn lại 2.300.000 đồng là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn C mà là tài sản chung của bà C và ông D: Bà C cho rằng đây là tài sản chung của bà và ông D. Ông D và anh C lại cho rằng là tài sản riêng của anh C, anh C cùng ông D đi mua 01 tủ lạnh Samsung 208 lít tại cửa hàng điện tử Tiến Thành, ở khu 1, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ vào tháng 02/2018, nguồn tiền là tiền riêng của anh C. Bà C, ông D và anh C đều xác định từ khi anh C kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Bích (năm 2014) thì vợ chồng anh C có ăn chung với bà C. Bà C, anh C xác nhận hàng tháng, anh C có nộp tiền ăn cho bà C. Bà C xác nhận thời điểm mua tủ lạnh bà C không có mặt ở nhà, không đưa ra được chứng cứ chứng minh đây là tài sản chung của bà và ông D. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C về việc chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít, trị giá 2.300.000 đồng là tài sản chung của bà và ông D. Bản án sơ thẩm buộc ông D, bà C phải trả tủ lạnh cho anh C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà C về việc đề nghị anh Nguyễn Văn C phải trả lại cho bà bằng hiện vật là 01 máy giặt Samsung và 01 điều hòa Daikin là tài sản riêng của bà, bà không đồng ý trả bằng tiền. Bà C cho rằng ông D đang quản lý các tài sản riêng của bà gồm: 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng và 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 1 chiều 12000 BTU trị giá 7.250.000 đồng. Năm 2017 bà có mua của anh Trần Văn Đoàn, sinh năm 1987, ở thôn Đoàn Xá, xã Quỳnh Hải 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 6.500.000 đồng, đã trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 4.500.000 đồng. Tháng 5/2019, bà mua của anh Nguyễn Văn Chung, sinh năm 1989 ở thôn A 1, xã Q 01 điều hòa Daikin 1 chiều số tiền 11.800.000 đồng, nguồn tiền dùng để mua điều hòa do bà mượn của anh Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1987 ở thôn A 2, xã Q số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà không yêu cầu ông D phải trả các khoản nợ này. Ông D cho rằng đây là tài sản chung của ông và bà C, nguồn tiền là từ tài sản chung của vợ chồng vì hàng tháng đi làm ông vẫn gửi tiền cho bà C để chi tiêu, sinh hoạt gia đình. Ông không biết khoản nợ của anh Đoàn, anh Lộc như bà C khai. Anh Đoàn xác nhận anh có bán cho bà C 01 máy giặt như bà C đã trình bày, bà C vẫn còn

nợ lại anh số tiền 4.500.000 đồng chưa trả, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này, anh và bà C tự giải quyết với nhau. Anh Nguyễn Văn Lộc cũng xác nhận có cho bà C vay số tiền 20.000.000 đồng để bà C trả tiền mua điều hòa, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này, anh và bà C tự giải quyết với nhau. Anh Nguyễn Văn Chung xác nhận, bà C có nhờ anh mua và lắp hộ điều hòa giá 11.800.000 đồng nhưng anh không nhớ mua của ai, anh cũng không biết nguồn tiền để mua. Như vậy, có căn cứ chấp nhận tài sản 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 1 chiều 12000 BTU trị giá 7.250.000 đồng là tài sản riêng của bà C. Các tài sản này ông D, anh C xác nhận không còn do anh C đã tháo dỡ vứt xuống sông cầu Hiệp (vị trí cụ thể anh không nhớ), do trong thời gian ông D quản lý tài sản trên nên ông D phải chịu trách nhiệm đối với các tài sản này. Xét thấy các tài sản này đều không còn, việc bản án sơ thẩm buộc ông D phải thanh toán bằng giá trị tài sản cho bà C là phù hợp.

[2.4] Đối với yêu cầu về khoản nợ của ông H: Bà C cho rằng tháng 11/2019, vợ chồng có nợ của ông Vũ Duy H số tiền 10.271.000 đồng làm mái tôn. Sau khi làm xong đã trả được 3.000.000 đồng, vài ngày sau đó trả tiếp 6.000.000 đồng nên còn nợ lại 1.271.000 đồng. Sau đó mấy ngày bà lại mượn lại ông H số tiền 6.000.000 đồng để trả tiền mua bàn thờ và nộp học cho con anh C số tiền 1.800.000 đồng. Trong đơn kháng cáo, bà C lại trình bày: Cuối năm 2019, ông D nhờ ông Mạo ra cửa hàng ông Nguyễn Ngọc Hải mua chiếc bàn thờ trị giá 7.000.000 đồng, khi ông Hải mang đến, bà đã trả 7.000.000 đồng cho ông Hải, ông Hải đã chứng nhận. Ông D cho rằng tiền làm mái tôn ông đã đưa cho bà C thanh toán xong cho ông H nhưng ông không có tài liệu nào chứng minh, ông xác nhận cuối năm 2019 ông có nhờ ông Đào Thanh Mạo đi mua hộ bàn thờ, đã trả luôn số tiền 2.200.000 đồng tại cửa hàng còn khi họ chở bàn thờ đến nhà ông đưa đủ nốt số tiền 5.000.000 đồng. Nguồn tiền để mua là của ông và đã thanh toán tiền mặt cho người bán nên ông xác định không nợ của ông H khoản tiền nào. Ông Đào Thanh Mạo xác nhận cuối năm 2019 ông D có nhờ ông đi mua hộ bàn thờ, tại khu vực cầu Lợn, xã Quỳnh Giao (ông không nhớ rõ địa chỉ cụ thể, cũng như cửa hàng) có giá 5.000.000 đồng. Ông D là người trả tiền mặt cho người bán, nguồn tiền mua thì ông không biết rõ. Hơn nữa, có lời khai của bà C thể hiện việc mượn tiền để mua bàn thờ 5.000.000 đồng, đóng học cho con anh C và lấy tiền đi Quảng Ninh. Khoản tiền đóng học cho con anh C có lời khai bà C đóng 1.800.000 đồng, có lời khai bà đóng 2.000.000 đồng nhưng Trường Mầm non Q cung cấp tháng 11/2019 bà C có nộp học cho 02 con anh C hết số tiền 1.430.000 đồng. Ông H xác nhận, số tiền vay như bà C đã trình bày nhưng ông H cho rằng bà C mượn tiền để nộp học cho cháu và lấy tiền đi Quảng Ninh. Như vậy, có cơ sở xác định ông D, bà C nợ ông H số tiền 1.271.000 đồng tiền làm mái tôn là nợ chung, mỗi người chịu trách nhiệm trả một nửa. Cần giao cho bà C trả ông H khoản nợ này, ông D

phải thanh toán lại cho bà C số tiền 635.500 đồng để bà C trả nợ cho ông H. Đối với khoản nợ 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà C với ông H, bà C phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này cho ông H là phù hợp với các Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.5] Đối với yêu cầu giải quyết về 16.800.000 đồng tiền lo ma chay cho cụ Nguyễn Thị Thoa: Tại giai đoạn sơ thẩm, bà C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết nội dung này. Tại đơn kháng cáo, bà C lại yêu cầu giải quyết. Căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”*. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu kháng cáo này của bà C.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị C, cần hủy phần quyết định về quan H tài sản của Bản án sơ thẩm số gia đình sơ thẩm số: 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết lại về phần quan H tài sản theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ chịu án phí chia tài sản chung được xác định lại khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy phần quyết định về quan H tài sản của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giải quyết lại về phần quan H tài sản theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Vũ Thị C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Trả lại bà C số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0004570 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã

có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 08/6/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Duy Luân

